

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ phường 17 quận Bình Thạnh TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Giai đoạn 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý 2/2011	Quý 2/2010	Quý II/2011	Quý II/2010
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01		57,513,272,470	46,676,984,252	111,516,551,911	92,646,473,114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	10	VL1	57,513,272,470	46,676,984,252	111,516,551,911	92,646,473,114
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	48,009,850,016	39,701,312,956	91,067,153,808	77,674,850,881
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		9,503,422,454	6,975,671,296	20,449,398,103	14,971,622,233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	2,890,802,202	4,100,288,710	7,134,831,630	14,187,466,133
7. Chi phí tài chính	22	VL4	2,764,729,490	3,712,207,533	9,516,256,635	6,148,090,525
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,205,522	22,184,803	26,534,150	63,544,715
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	1,051,853,333	667,614,717	2,121,371,331	1,971,471,660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	6,590,287,960	5,758,684,269	13,235,403,628	11,251,009,003
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,987,353,873	937,453,487	2,711,198,139	9,788,517,178
11. Thu nhập khác	31	VL7	783,756,983	155,838,190	1,344,848,340	169,405,909
12. Chi phí khác	32	VL8	6,222,268	(8,804,884)	811,722,755	10,302,481
13. Lợi nhuận khác	40		777,534,715	164,643,074	533,125,585	159,103,428
14. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45				-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,764,888,588	1,102,096,561	3,244,323,724	9,947,620,606
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	1,130,056,808	230,489,796	2,440,814,309	2,535,341,832
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL9	(142,502,547)	(9,499,814)	(195,752,264)	(6,447,701)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,777,334,327	881,106,579	999,261,679	7,418,726,475
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(100,873,062)	(101,637,625)	(171,019,881)	(62,998,954)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1,878,207,389	982,744,204	1,170,281,560	7,481,725,429
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	178	94	111	743

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2011


TRẦN ANH PHƯƠNG
 Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN KHẢI
 Tổng Giám đốc